

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 6 năm 2025
V/v “*Tranh chấp hôn nhân
và gia đình về ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhã Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thanh Tâm
2. Ông Phạm Phước Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký viên

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 155/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 305/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 262/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Lệ H**, sinh năm 1982
Địa chỉ: Tổ A, Ấp D, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
- Bị đơn: Anh **Trương Văn N**, sinh năm 1980
Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Lệ H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Lệ H và anh Trương Văn N qua thời gian tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T vào năm 2004.

Sau khi kết hôn, anh chị sống với nhau hạnh phúc và có với nhau được 03 con chung. Thời gian sau này, cuộc sống hôn nhân đã có nhiều thay đổi, vợ

chồng do không cùng quan điểm sống nên không thể hòa hợp để chung sống với nhau. Hiện tại, chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn, nay chị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Trương Văn N.

- Về con chung: Chị Bùi Thị Lệ H và anh Trương Văn N có 03 con chung là: Trương Thị Cẩm T, sinh năm 2002, Trương Thị Ngọc D, sinh năm 2004 và Trương Thị Diệu K, sinh năm 2012. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Trương Thị Diệu K, chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hiện Trương Thị Cẩm T và Trương Thị Ngọc D hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trương Văn N trình bày:

- Về hôn nhân: anh N thống nhất vợ chồng chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn như lời trình bày của chị H. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc là do bất đồng quan điểm sống, chị H và anh N đã không còn chung sống tính đến nay đã hơn 01 năm 02 tháng, trong thời gian qua giữa hai người không có bất kỳ liên hệ nào, anh N không còn liên hệ với chị H và các con, mỗi người đều có cuộc sống riêng, tuy nhiên chị H yêu cầu ly hôn thì anh N không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: anh N thống nhất theo yêu cầu chị H.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: CCCD chị Bùi Thị Lệ H (bản photo); Giấy chứng nhận kết hôn chị Bùi Thị Lệ H và anh Trương Văn N (bản chính); Giấy khai sinh Trương Thị Diệu K (bản sao), Văn bản ý kiến của Trương Thị Diệu K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Lệ H về việc yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn N và yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con*”.

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã M, huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao

Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về sự có mặt đương sự tại phiên tòa: Anh Trương Văn N mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do, đồng thời chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H và anh N.

Về nội dung

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Lệ H và anh Trương Văn N qua thời gian tìm hiểu, xây dựng tình cảm để tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T vào năm 2004 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống thì nay chị H yêu cầu ly hôn vì cho rằng hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về phía anh N là bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Như vậy, có căn cứ nhận định anh N không có thiện chí hàn gắn tình cảm, đời sống hôn nhân như chị H trình bày là có thật và đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Điều này cũng được phía anh Trương Văn N thừa nhận, nhưng anh N không đồng ý ly hôn. Anh N không đồng ý ly hôn nhưng anh N không đưa ra phương án hàn gắn tình cảm, anh N thừa nhận giữa anh và chị H đã không còn chung sống hơn 01 năm và không còn liên hệ. Như vậy, có căn cứ nhận định mâu thuẫn giữa vợ chồng như chị H trình bày là có thật và đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Lệ H.

- Về con chung: Trương Thị Diệu K sinh năm 2012, hiện nay đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Trương Thị Diệu K sinh năm 2012, chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay cháu Trương Thị Diệu K sống với chị H đang phát triển và được chăm sóc tốt, đồng thời cháu Diệu K có nguyện vọng được sống chung với chị H. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cũng như sự phát triển của cháu Diệu K nên việc chị H yêu cầu được nuôi cháu Diệu K là phù hợp nên chấp nhận. Anh N cũng không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì đối với nội dung con chung và cấp dưỡng nuôi con. Do đó, chị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng Trương Thị Diệu K. Về cấp dưỡng nuôi con chị H không có yêu cầu anh Trương Văn N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Anh Trương Văn N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Riêng Trương Thị Cẩm T, sinh năm 2002 và Trương Thị Ngọc D, sinh năm 2004 hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động, tự sinh sống được nên chị

H và anh N không có yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị H và anh N không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị H1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai số 0002355 ngày 24/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Lệ H.

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Lệ H được ly hôn với anh Trương Văn N.

2. Về con chung:

- Chị Bùi Thị Lệ H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Trương Thị Diệu K, sinh ngày 19/8/2012. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu. Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Trương Thị Cẩm T, sinh năm 2002 và Trương Thị Ngọc D, sinh năm 2004 hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động, tự sinh sống được nên chị H và anh N không có yêu cầu tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* ***Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:*** Chị Bùi Thị Lệ H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai số 0002355 ngày 24/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ND HCL;
- CCTHADS HCL;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Thanh Mỹ, H Tháp Mười;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Nhã Uyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tâm – Phạm Phước Tâm

Phan Thị Nhã Quyên

